

KẾ HOẠCH KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN SINH HỌC 12

- Thời điểm kiểm tra:** Tuần 17 (từ 21/12/2024- 26/12/2024)
- Thời gian làm bài:** 50 phút
- Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm theo 3 phần
- Nội dung:** các yêu cầu cần đạt từ bài 1 - bài 10
- Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 45% Nhận biết; 35% Thông hiểu; 20% Vận dụng.
 - Tổng điểm: 10 điểm, gồm 28 câu. Trong đó:
 - + Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu TNNLC = 4,5 điểm
 - + Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.
 - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
 - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
 - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
 - Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.
 - + Phần III:** (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm.
- Bảng ma trận, đặc tả:**

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

MÔN SINH HỌC 12 (CÁNH DIỀU)

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi								
			Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (TNNLC)			Trắc nghiệm Đúng/Sai (TNĐS)			Trắc nghiệm trả lời ngắn (TNTLN)		
			N.Biết	T.Hiểu	VD	N.Biết	T.Hiểu	VD	N.Biết	T.Hiểu	VD
1	Cơ sở phân tử của di truyền và biến dị	Bài 1: Gene và sự tái bản DNA	1 NT1 1 NT2		1 VD2						
		Bài 2: Sự biểu hiện thông tin di truyền							1NT1		1VD2
		Bài 3: Điều hòa biểu hiện gene	1 NT1	1TH1-2	1 VD2						
		Bài 4: Đột biến gene				1 NT1	2 TH1-2	1 VD1			
2	Nhiễm sắc thể và các quy luật di truyền	Bài 5: Nhiễm sắc thể và cơ chế di truyền nhiễm sắc thể				1 NT1	2 TH1-2	1 VD1			
		Bài 6: Đột biến nhiễm sắc thể	1 NT1	1TH1-2						1TH1-2	1 VD2
		Bài 7: Học thuyết Menden và mở rộng học thuyết Menden	1 NT1 1NT2	1TH1-2							
		Bài 8: Di truyền liên kết giới tính, liên kết gene và hoán vị gene	1 NT1 1NT2			1 NT1	2 TH1-2	1 VD1			
		Bài 9: Di truyền gene ngoài nhân	1 NT1 1NT2	1TH1-2					1NT1	1TH1-2	
		Bài 10: Mối quan hệ giữa kiểu gene, môi trường và kiểu hình	1 NT1 1NT2			1 NT1	2 TH1-2	1 VD1			
Tổng số câu			12	4	2	4ý	8 ý	4 ý	2	2	2
Tổng số điểm			(I): 3,0 đ	(II): 1,0 đ	(III): 0,5 đ	(IV): 1,0 đ	(V): 2,0 đ	(VI): 1,0 đ	(VII): 0,5 đ	(VIII): 0,5 đ	(IX): 0,5 đ
Tổng số câu/điểm từng định dạng			18 câu / 4.5 điểm			4 câu (16 ý) / 4.0 điểm			6 câu/ 1.5 điểm		
Tổng từng mức độ nhận thức:			Nhận biết: I+IV+VII = 4,5 đ			Thông hiểu: II+V+VIII = 3,5 đ			Vận dụng: III+VI+IX = 2,0 đ		

Chú ý: (Nhận thức sinh học: NT / Tìm hiểu thế giới sống: TH/ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: VD)

- NT1: Nhận biết, kể tên, phát biểu, nêu được các đối tượng, khái niệm, quy luật, quá trình sống.

- **NT2: Trình bày được** các đặc điểm, vai trò của các đối tượng và các quá trình sống bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ, ...
 - **NT3: Phân loại được** các đối tượng, hiện tượng sống theo các tiêu chí khác nhau.
 - **NT4: Phân tích được** các đặc điểm của một đối tượng, sự vật, quá trình theo logic nhất định.
 - **NT5: So sánh, lựa chọn** được các đối tượng, khái niệm, các cơ chế, quá trình sống dựa theo các tiêu chí nhất định.
 - **NT6: Giải thích được** mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng (nguyên nhân – kết quả, cấu tạo – chức năng, ...)
 - **NT7: Nhận ra và chỉnh sửa được** những điểm sai; đưa ra được những nhận định có tính phê phán (phản biện) liên quan tới chủ đề trong thảo luận.
 - **NT8: Tìm được từ khóa, sử dụng được thuật ngữ khoa học**, kết nối được thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày các văn bản khoa học; sử dụng được các hình thức ngôn ngữ biểu đạt khác nhau.
-
- **TH1: Đề xuất vấn đề liên quan đến thế giới sống:** đặt ra được các câu hỏi liên quan đến vấn đề; phân tích được bối cảnh để đề xuất vấn đề; dùng ngôn ngữ của mình biểu đạt được vấn đề đã đề xuất.
 - **TH2: Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết:** phân tích được vấn đề để đề xuất phán đoán; xây dựng và phát biểu được giả thuyết nghiên cứu.
 - **TH3: Lập kế hoạch thực hiện:** xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu; lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát, thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn, hồi cứu tư liệu...); lập được kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu [gọi chung là ‘thiết kế nghiên cứu’].
 - **TH4: Thực hiện kế hoạch** [vd: Thực hiện nghiên cứu]: thu thập, lưu trữ được dữ liệu từ kết quả tổng quan, thực nghiệm, điều tra; đánh giá được kết quả dựa trên phân tích, xử lý các dữ liệu bằng các tham số thống kê đơn giản; so sánh được kết quả với giả thuyết, rút ra kết luận và điều chỉnh (nếu cần); đề xuất được ý kiến khuyến nghị vận dụng kết quả nghiên cứu, hoặc vấn đề nghiên cứu tiếp.
 - **TH5: Viết, trình bày báo cáo và thảo luận:** sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả nghiên cứu; viết được báo cáo nghiên cứu; hợp tác được với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải trình, phản biện, bảo vệ kết quả nghiên cứu một cách thuyết phục.
-
- **VD1: Giải thích thực tiễn: giải thích, đánh giá** được những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên hoặc trong đời sống, tác động của chúng đến phát triển bền vững: **giải thích, đánh giá, phản biện** được một số mô hình công nghệ ở mức độ phù hợp.
 - **VD2: Có hành vi, thái độ thích hợp:** đề xuất, thực hiện một số giải pháp để bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng; bảo vệ thiên nhiên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: SINH HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 PHÚT

Chủ đề	Đơn vị KT	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Dạng thức		
			NLC	Đ/S	TLN
CD 1: Cơ sở phân tử của di truyền và biến dị	Bài 1: Gene và sự tái bản DNA	- Trình bày được chức năng của DNA, nêu được ý nghĩa của các cặp đặc hiệu A-T, G-C. - Nêu được khái niệm và cấu trúc của gene. Phân biệt được các loại gene dựa vào cấu trúc và chức năng. - Phân tích được cơ chế tái bản của DNA là một quá trình tự sao thông tin di truyền từ tế bào mẹ sang tế bào con hay từ thế hệ này sang thế hệ sau. - Thực hành tách chiết được DNA.	2NB 1VD		
	Bài 2: Sự biểu hiện thông tin di truyền	- Phân biệt được các loại RNA. - Phân tích được bản chất của quá phiên mã là sự truyền thông tin di truyền từ DNA đến RNA. - Nêu được khái niệm và ý nghĩa của phiên mã ngược. - Nêu được khái niệm và các đặc điểm của mã di truyền. - Trình bày được cơ chế dịch mã tổng hợp protein. - Vẽ và giải thích được sơ đồ cơ chế truyền thông tin di truyền ở cấp phân tử.			1NB 1VD
	Bài 3: Điều hòa biểu hiện gene	- Trình bày được thí nghiệm trên operon <i>lactose</i> của vi khuẩn <i>E.coli</i>. - Phân tích được ý nghĩa của điều hòa biểu hiện gene trong tế bào và trong quá trình phát triển cá thể. - Nêu được các ứng dụng của điều hòa biểu hiện gene.	1NB 1TH 1VD		
	Bài 4: Đột biến gene	- Nêu được các khái niệm của đột biến gene. Phân biệt được các dạng đột biến gene. - Phân tích được nguyên nhân, cơ chế phát sinh của đột biến gene. - Trình bày được vai trò của đột biến gene trong tiến hóa, trong chọn giống và trong nghiên cứu di truyền.		1 Câu	
CD 2. Nhiễm sắc thể và các quy luật di truyền	Bài 5: Nhiễm sắc thể và cơ chế di truyền nhiễm sắc thể	- Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được cấu trúc siêu hiển vi của nhiễm sắc thể. - Mô tả được cách sắp xếp các gene trên nhiễm sắc thể, mỗi gene định vị tại mỗi vị trí xác định gọi là locus. - Trình bày được ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân và thụ tinh trong nghiên cứu di truyền. Từ đó, giải thích được nguyên phân, giảm phân và thụ tinh quyết định quy luật vận động và truyền thông tin di truyền của các gene qua các thế hệ tế bào và cá thể. - Phân tích được sự vận động của nhiễm sắc thể (tự nhân đôi, phân li, tổ hợp, tái tổ hợp) trong nguyên phân, giảm phân và thụ tinh là cơ sở của sự vận động của gene được thể hiện trong các quy luật di truyền, biến dị tổ hợp và biến dị số lượng nhiễm sắc thể. - Trình bày được nhiễm sắc thể là vật chất di truyền.		1 Câu	
	Bài 6: Đột biến nhiễm sắc thể	- Phát biểu được khái niệm đột biến nhiễm sắc thể. Trình bày được nguyên nhân đột biến nhiễm sắc thể. - Phân biệt được các dạng đột biến số lượng nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ minh họa. Trình bày được cơ chế phát sinh đột biến số lượng nhiễm sắc thể. - Phân biệt được các dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ minh họa. Trình bày được cơ chế phát sinh đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.	1NB 1TH		1TH 1VD

		- Phân tích được tác hại của một số dạng đột biến nhiễm sắc thể đối với sinh vật. Trình bày được vai trò của đột biến nhiễm sắc thể trong tiến hoá, trong chọn giống và trong nghiên cứu di truyền. - Phân tích được mối quan hệ giữa di truyền và biến dị. - Thực hành, quan sát được đột biến nhiễm sắc thể trên tiêu bản cố định và tạm thời; tìm hiểu được tác hại gây đột biến ở người của một số chất độc (dioxin, thuốc diệt cỏ 2,4D,...).			
	Bài 7: Học thuyết Menden và mở rộng học thuyết Menden	- Nêu được bối cảnh ra đời thí nghiệm của Mendel. Trình bày được cách bố trí và tiến hành thí nghiệm của Mendel. - Nêu được tính quy luật của hiện tượng di truyền và giải thích thí nghiệm của Mendel. - Trình bày được cơ sở tế bào học của các thí nghiệm của Mendel dựa trên mối quan hệ giữa nguyên phân, giảm phân và thụ tinh. - Nêu được quan điểm của Mendel về tính quy luật của hiện tượng di truyền. - Nêu được vì sao các quy luật di truyền của Mendel đặt nền móng cho di truyền học hiện đại. - Giải thích được sản phẩm của các allele của cùng một gene và của các gene khác nhau có thể tương tác với nhau quy định tính trạng.	2NB 1TH		
	Bài 8: Di truyền liên kết giới tính, liên kết gene và hoán vị gene	- Nêu được khái niệm nhiễm sắc thể giới tính; di truyền giới tính. - Phân tích được cơ chế di truyền xác định giới tính. Giải thích được tỉ lệ lí thuyết giới tính trong tự nhiên thường là 1 : 1. - Trình bày được cách bố trí thí nghiệm di truyền của Morgan, qua đó nêu được khái niệm di truyền liên kết với giới tính. - Trình bày được quan điểm của bản thân về việc điều khiển giới tính ở người theo ý muốn. - Nêu được bối cảnh ra đời thí nghiệm của Morgan. - Trình bày được cách bố trí và tiến hành thí nghiệm của Morgan, từ đó phát biểu được khái niệm liên kết gene. - Trình bày được thí nghiệm của Morgan, từ đó phát biểu được khái niệm hoán vị gene. - Phân tích được cơ sở tế bào học và ý nghĩa của liên kết gene và hoán vị gene. - Nêu được quan điểm của Morgan về tính quy luật của hiện tượng di truyền. - Trình bày được phương pháp lập bản đồ di truyền (thông qua trao đổi chéo) và ý nghĩa của việc lập bản đồ di truyền.	2NB	1 Câu	
	Bài 9: Di truyền gene ngoài nhân	- Trình bày được bối cảnh ra đời thí nghiệm của Correns. - Trình bày được thí nghiệm chứng minh di truyền gene ngoài nhân của Correns, từ đó giải thích được gene không những tồn tại trong nhân mà còn tồn tại ngoài nhân (trong các bào quan như ti thể, lục lạp thể). - Trình bày được đặc điểm di truyền của gene ngoài nhân và một số ứng dụng.	2NB 1TH		1NB 1TH
	Bài 10: Mối quan hệ giữa kiểu	- Phân tích được sự tương tác kiểu gene và môi trường. - Nêu được khái niệm mức phản ứng. Lấy được các ví dụ minh hoạ. - Trình bày được bản chất truyền là di truyền mức phản ứng.	2NB	1 Câu	

	gene, môi trường và kiểu hình	- Vận dụng được hiểu biết về thường biến và mức phản ứng của một kiểu gene giải thích một số ứng dụng trong thực tiễn (tạo và chọn giống, kĩ thuật chăn nuôi, trồng trọt,...). - Thực hành trồng cây chứng minh được thường biến.			
		Tổng câu	18	4	6

I. Phần I: (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu = 4,5 điểm (0,25 điểm/1 câu.)

- Học sinh chỉ lựa chọn 1 phương án đúng (A,B,C,D).

1) NHẬN BIẾT

Bài 1: 2NB

1) (NB)

2) (NB)

Bài 3: 1NB

3) (NB)

Bài 6: 1NB

4) (NB)

Bài 7: 2NB

5) (NB)

6) (NB)

Bài 8: 2NB

7) (NB)

8) (NB)

Bài 9: 2NB

9) (NB)

10) (NB)

Bài 10: 2NB

11) (NB)

12) (NB)

2) THÔNG HIỂU

Bài 3: 1TH

13) (NB)

Bài 6: 1TH

14) (NB)

Bài 7: 1TH

15) (NB)

Bài 9: 1TH

16) (NB)

3) VẬN DỤNG

Bài 1: 1VD

17) (VD)

Bài 3: 1VD

18) (VD)

II. Phần II: (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Bài 4:

Câu 1:

a) (NB)

- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

Bài 5:

Câu 2:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

Bài 8:

Câu 3:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

Bài 10:

Câu 4:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

III. Phần III: (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm. (0,25 điểm/1 câu.)

1) NHẬN BIẾT

Bài 2: 1NB

Câu 1: (NB)

Bài 9: 1NB

Câu 2: (NB)

2) THÔNG HIỂU

Bài 6: 1TH

Câu 3: (TH)

Bài 9: 1TH

Câu 4: (TH)

3) VẬN DỤNG

Bài 2: 1VD

Câu 5: (VD)

Bài 6: 1VD

Câu 6: (VD)